|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  VIỆN KỸ THUẬT & CÔNG NGHỆ  **BỘ MÔN CNKT Ô TÔ** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| \*\*\* |  |  |

**KẾ HOẠCH CÁ NHÂN NĂM 2023**

**I. Thống kê năm 2022**

**1.1 Giờ giảng dạy** *(Không cần chính xác nếu ko thiếu giờ)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Định mức** | **Đã thực hiện** | **Thừa giờ** | **Thiếu giờ** |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 146 | 600 | 454 | 0 |

**1.2. Giờ NCKH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Định mức** | **Đã thực hiện** | **Thừa giờ** | **Thiếu giờ** |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 95 | 120 | 25 | 0 |

**1.3. Số lượng các bài báo đã công bố**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Đã công bố** | **Chỉ số ISI** | **Scopus** | **Khác** | |
| **Nước ngoài** | **Trong nước** |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 1 |  |  |  | 1 |

**II. Kế hoạch năm 2023**

**2.1 Giờ giảng dạy** *(Kê tương đối)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Định mức** | **Dự kiến thực hiện** | **Thừa giờ** | **Thiếu giờ** |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 200 | 700 | 500 | 0 |

**2.2. Giờ NCKH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Định mức** | **Dự kiến thực hiện** | **Thừa giờ** | **Thiếu giờ** |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 100 | 200 | 100 | 0 |

**2.3. Số lượng các bài báo dự kiến công bố**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | **Số lượng** | **Chỉ số ISI** | **Scopus** | **Khác** | |
| **Nước ngoài** | **Trong nước** |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 1 |  |  |  | 1 |

* **Các thông tin trên để cung cấp cho Viện báo cáo số liệu trong Hội nghị CNVC.**
* **Các thông tin dưới đây là theo thống nhất từ cuộc họp bộ môn gần đây, yêu cầu các thầy kê khai càng chi tiết càng tốt.**

**KẾ HOẠCH CÁ NHÂN NĂM 2023**

**A. Giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | Có nguyện vọng dạy khoảng n giờ *(n là số cụ thể)* | Có nguyện vọng dạy tối thiểu n giờ *(n là số cụ thể)* | Chỉ có nguyện vọng dạy đủ giờ định mức | Dạy theo phân công của Bộ môn |
|  |  |  |  |  |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 700 |  |  | X |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**B. Nghiên cứu khoa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | Số lượng bài báo tạp chí dự kiến | Số lượng báo cáo hội thảo dự kiến | Số lượng xêmina dự kiến | Số lượng giáo trình dự kiến | Số lượng đề tài dự kiến |
|  |  |  |  |  |  |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 1 | 0 | 1 | 0 | 0 |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**C. Học tập nâng cao trình độ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | Đào tạo ngắn hạn | Học thạc sĩ | Học tiến sĩ | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |
| Nguyễn Phúc Ngọc | Tiếng anh B1 | X |  | 2022-2024 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**D. Tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên** | Dự giờ (số tiết) | Tự học | Ghi chú |
| Trịnh Ngọc Hoàng |  |  |  |
| Nguyễn Phúc Ngọc | 4 | Mô phỏng điều khiển động cơ ô tô điện |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**E. Đề xuất**

*Nghệ An, ngày 15 tháng 12 năm 2022*

Người lập kế hoạch

Nguyễn Phúc Ngọc